

**NHỮNG ĐIỂM MỚI CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 154/2020/NĐ-CP
NGÀY 31/12/2020 CỦA CHÍNH PHỦ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU
CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 34/2016/NĐ-CP NGÀY 14/5/2016 CỦA CHÍNH PHỦ
QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH
LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH VÀ PHẠM VI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Sự cần thiết ban hành Nghị định

Ngày 18/6/2020, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Luật năm 2020 có nhiều quy định mới như: bổ sung hình thức nghị quyết liên tịch 3 bên giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; bổ sung hình thức thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; thu hẹp phạm vi các loại VBQPPL phải lập đề nghị xây dựng VBQPPL theo quy trình chính sách; bổ sung trách nhiệm của Hội đồng dân tộc trong việc thẩm tra về chính sách dân tộc trong dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết; bổ sung các trường hợp xây dựng, ban hành VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn; bổ sung quy định về các trường hợp được ban hành một văn bản để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ nhiều văn bản; bổ sung một số tài liệu trong hồ sơ dự án, dự thảo văn bản; tăng thời hạn thẩm định của Sở Tư pháp, Phòng tư pháp... Để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với các quy định mới của Luật, việc nghiên cứu, sửa đổi một số quy định có liên quan của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP là cần thiết.

Bên cạnh đó, sau 04 năm thi hành Nghị định số 34/2016/NĐ-CP cũng đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc cần phải sửa đổi Nghị định để khắc phục như: (i) việc xác định một số trường hợp không phải là VBQPPL; (ii) đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL và dự án, dự thảo VBQPPL; (iii) lập, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện danh mục văn bản quy định chi tiết nghị định, quyết của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; (iv) một số quy định về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản; (v) việc kiểm tra, xử lý văn bản trái pháp luật; (vi) công tác rà soát, hệ thống hóa VBQPPL...

Thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Phạm vi sửa đổi, bổ sung

Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung 52 điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, trong đó có 45 điều về nội dung và 07 điều về kỹ thuật, tập trung vào 02 nhóm vấn đề sau đây:

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung các quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để bảo đảm phù hợp với những quy định mới của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung một số quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP không còn phù hợp, gây khó khăn, vướng mắc hoặc cản trở công tác xây dựng, ban hành VBQPPL.

II. ĐIỂM MỚI CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 154/2020/NĐ-CP

1. Xác định VBQPPL

Ngoài khái niệm về “*Văn bản quy phạm pháp luật*” và “*Quy phạm pháp luật*” được nêu tại Điều 2 và khoản 1 Điều 3 của Luật năm 2015, để tránh nhầm lẫn về hình thức VBQPPL, đặc biệt là các chủ thể có thẩm quyền ban hành văn bản hành chính và VBQPPL nhưng có cùng tên gọi như “*nghị quyết*”, “*quyết định*”, Điều 3 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã liệt kê 06 trường hợp quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 11 trường hợp nghị quyết của HĐND và quyết định của UBND không phải là VBQPPL.

Tuy nhiên, thực tế vẫn còn cách hiểu khác nhau trong việc xác định hình thức văn bản, chẳng hạn như: nghị quyết của HĐND cấp tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của tỉnh, nghị quyết của HĐND cấp tỉnh về chương trình giám sát hằng năm của HĐND, nghị quyết về đầu tư công trung hạn và dài hạn, nghị quyết thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất... dẫn đến việc, cùng một quy định nhưng có địa phương ban hành VBQPPL, có địa phương ban hành văn bản hành chính.

Từ lý do nêu trên, để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương trong việc xác định VBQPPL, Nghị định bổ sung vào Điều 3 Nghị định 34/2016/NĐ-CP một số nghị quyết của HĐND không phải là VBQPPL, cụ thể là: “*Nghị quyết về chương trình, đề án, dự án, kế hoạch*”.

2. Lập đề nghị xây dựng VBQPPL và đánh giá tác động của chính sách (Chương II, Nghị định 34/2016/NĐ-CP)

2.1. Về lập đề nghị xây dựng VBQPPL:

Luật năm 2020 bỏ yêu cầu lập đề nghị xây dựng văn bản theo quy trình chính sách đối với nghị định quy định tại khoản 2 Điều 19 và nghị quyết của HĐND cấp tỉnh quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật năm 2015.

Do vậy, để bảo đảm phù hợp với quy định mới này, Nghị định số 154/2016/NĐ-CP bỏ quy định về lập đề nghị theo quy trình chính sách đối với hai loại văn bản nêu trên tại khoản 3 và khoản 4 Điều 4 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*Các trường hợp lập đề nghị xây dựng VBQPPL*); đồng thời sửa khoản 2 Điều 30 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định việc Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đề nghị xây dựng nghị định quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật (không còn phải đưa ra phiên họp của Chính phủ như theo quy định của Luật năm 2015).

2.2. Về đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL, dự án, dự thảo VBQPPL

Thứ nhất, bổ sung vào khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*Đánh giá tác động của chính sách*) quy định về đánh giá tác động của chính sách trong dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết có liên quan đến *chính sách dân tộc* cho phù hợp với quy định mới của Luật năm 2020 (Điều 65, Điều 68a) về thẩm tra chính sách dân tộc trong dự án, dự thảo văn bản.

Thứ hai, sửa đổi nội dung đánh giá tác động về hệ thống pháp luật tại khoản 5 Điều 6 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để bảo đảm chính xác hơn. Cụ thể như sau: “Tác động đối với hệ thống pháp luật được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo tác động đối với *tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật*; khả năng về thi hành và tuân thủ *pháp luật* của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên”.

Thứ ba, sửa khoản 3 Điều 31 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*Đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo VBQPPL*), theo đó bổ sung trách nhiệm đánh giá tác động của chính sách trong giai đoạn soạn thảo đối với nghị định quy định tại khoản 2 Điều 19 và nghị quyết của HĐND cấp tỉnh quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật năm 2015 để phù hợp với quy định của Luật năm 2020 về chuyển trách nhiệm đánh giá tác động của chính sách trong giai đoạn lập đề nghị xây dựng nghị định, nghị quyết sang giai đoạn soạn thảo đối với các loại văn bản này.

3. Lập danh mục văn bản quy định chi tiết (Chương IV, Nghị định 34/2016/NĐ-CP)

3.1. Sửa đổi hợp lý hơn quy định về trách nhiệm đề xuất và lập danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước (Điều 28 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP)

Thứ nhất, rút ngắn thời gian gửi danh mục văn bản quy định chi tiết về Bộ Tư pháp để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ nhằm mục đích đẩy nhanh tiến

độ soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết. Theo đó, các bộ, cơ quan ngang bộ gửi danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được thông qua; trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lệnh, quyết định của Chủ tịch nước được ký ban hành (quy định cũ là 20 ngày và 10 ngày).

Thứ hai, thay cơ chế gửi danh mục văn bản quy định chi tiết để lấy ý kiến bằng cơ chế tổ chức họp trực tiếp để lấy ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ. Cụ thể là, thay thế quy định Bộ Tư pháp gửi danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước cho các bộ, cơ quan ngang bộ được dự kiến phân công soạn thảo để lấy ý kiến bằng quy định Bộ Tư pháp “*Tổ chức họp với các bộ, cơ quan ngang bộ được dự kiến phân công chủ trì soạn thảo và các cơ quan, tổ chức có liên quan để thống nhất ý kiến về danh mục văn bản quy định chi tiết trước khi trình Thủ tướng Chính phủ*”.

3.2. Bổ sung cơ chế hỗ trợ và kiểm soát việc ban hành văn bản quy định chi tiết nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ

Thực tiễn xây dựng, ban hành VBQPPL ở nước ta cho thấy, số lượng nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ được ban hành hằng năm là rất lớn và không ít văn bản giao HĐND, UBND cấp tỉnh ban hành văn bản quy định chi tiết nhưng chưa có cơ chế kiểm soát việc ban hành văn bản quy định chi tiết nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ. Do vậy, việc thường xuyên theo dõi, rà soát văn bản mới ban hành để xác định đúng và đầy đủ nội dung mà địa phương được giao quy định chi tiết nhằm kịp thời tổ chức triển khai xây dựng văn bản quy định chi tiết theo đúng yêu cầu về thời điểm có hiệu lực của văn bản được quy định chi tiết trong một số trường hợp là hết sức khó khăn đối với các địa phương. Xuất phát từ lý do đó, nhiều địa phương đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ được giao chủ trì soạn thảo nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ và thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trong việc lập và thông báo cho HĐND, UBND cấp tỉnh danh mục nội dung của nghị định, quyết định, thông tư giao cho địa phương quy định chi tiết.

Đáp ứng đòi hỏi từ thực tiễn, Nghị định bổ sung 01 điều (Điều 29a) quy định về cơ chế hỗ trợ và kiểm soát việc ban hành các văn bản quy định chi tiết nghị định của Chính phủ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19, quyết định

của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 20 và thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật năm 2015.

Điều 29a quy định trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc ban hành thông tư theo thẩm quyền có nội dung giao bộ, cơ quan ngang bộ khác hoặc địa phương quy định chi tiết có trách nhiệm trong thông báo bằng văn bản cho bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương về nội dung được giao quy định chi tiết và theo dõi, đôn đốc việc soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết. Đồng thời, Điều này cũng quy định cơ quan ban hành văn bản quy định chi tiết có trách nhiệm bảo đảm chất lượng, tiến độ soạn thảo, thời hạn ban hành văn bản và kịp thời thông báo về những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình soạn thảo cho cơ quan chủ trì soạn thảo nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc ban hành thông tư để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hoặc xử lý theo thẩm quyền.

4. Soạn thảo, ban hành VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn

Luật năm 2020 bổ sung thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong việc quyết định cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành trong trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn quy định tại khoản 1 Điều 146 của Luật. Để hướng dẫn cụ thể quy định này, Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 37 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*Đề nghị xây dựng, ban hành VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn*) quy định về trình tự, thủ tục đề nghị xây dựng, ban hành thông tư theo thủ tục rút gọn thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 146 của Luật năm 2015 như sau:

(1) Trường hợp cần ban hành thông tư để giải quyết các vấn đề cấp bách phát sinh trong thực tiễn quy định tại khoản 1 Điều 146 của Luật thì trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Văn bản lấy ý kiến gồm có các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 37.

(2) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Bộ trưởng Bộ Tư pháp có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc ban hành thông tư theo trình tự, thủ tục rút gọn đối với thông tư ban hành để giải quyết các vấn đề cấp bách phát sinh trong thực tiễn.

5. Về thẩm định dự án, dự thảo VBQPPL

Luật năm 2020 sửa đổi khoản 3 Điều 4 của Luật năm 2015, theo đó bổ sung hình thức nghị quyết liên tịch ba bên giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đồng thời

sửa đổi khoản 4 Điều 109 của Luật năm 2015, trong đó giao Bộ Tư pháp trách nhiệm thẩm định các dự thảo nghị quyết liên tịch có sự tham gia ban hành của Chính phủ (gồm nghị quyết liên tịch 02 bên giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và nghị quyết liên tịch 3 bên giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam) trước khi trình Chính phủ.

Nghị định 154/2020/NĐ-CP sửa đổi khoản 1 Điều 43 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*Thành lập Hội đồng thẩm định*) bổ sung quy định thành lập Hội đồng thẩm định đối với nghị quyết liên tịch quy định tại khoản 4 Điều 109 của Luật¹, đồng thời sửa đổi khoản 1 Điều 50 (*Thành lập và hoạt động của Hội đồng tư vấn thẩm định*) của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để quy định rõ hơn loại văn bản và trường hợp cụ thể mà Sở Tư pháp phải thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định. Theo đó, Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định *đối với dự thảo nghị quyết, quyết định liên quan đến nhiều lĩnh vực hoặc do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo* quy định tại khoản 1 Điều 121 và khoản 1 Điều 130 của Luật.

6. Thể thức, kỹ thuật trình bày VBQPPL và các phụ lục, biểu mẫu (Chương V, Nghị định 34/2016/NĐ-CP)

Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP về thể thức, kỹ thuật trình bày VBQPPL để phù hợp với quy định của Luật năm 2020 và Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thể thức và kỹ thuật trình bày VBQPPL của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, cụ thể là:

- Bổ sung khoản 7 vào Điều 69 (*Sử dụng ngôn ngữ trong văn bản*) của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để quy định về viết hoa trong nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, quyết định của Tổng kiểm toán nhà nước, thông tư liên tịch, nghị quyết của HĐND và quyết định của UBND với nội dung như sau: “*Chữ viết hoa trong văn bản được sử dụng đúng quy tắc chính tả tiếng Việt và theo hướng dẫn tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định này*”. Đồng thời, bổ sung Phụ lục VI về viết hoa trong VBQPPL.

- Thay thế Phụ lục số I của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP về mẫu các loại VBQPPL, trong đó bổ sung một số mẫu văn bản như: văn bản bãi bỏ VBQPPL; thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Tổng kiểm

¹ Nghị quyết liên tịch “ba bên” giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

toán nhà nước; mẫu thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Tổng kiểm toán nhà nước...

- Bổ sung mẫu đề cương chi tiết dự án, dự thảo VBQPPL vào Phụ lục V để phù hợp với quy định của Luật năm 2020.

7. Kiểm tra, xử lý VBQPPL (Chương VIII, Nghị định 34/2016/NĐ-CP)

Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định về kiểm tra, xử lý VBQPPL của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để quy định rõ, hợp lý hơn về thẩm quyền kiểm tra VBQPPL của Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan ngang bộ, các trường hợp VBQPPL bị coi là trái pháp luật, hình thức xử lý văn bản trái pháp luật... Cụ thể như sau:

- Sửa đổi Điều 103 - Văn bản được kiểm tra, xử lý để quy định đầy đủ hơn các trường hợp văn bản được coi là trái pháp luật. Theo đó, điểm a khoản 2 Điều này bổ sung một số trường hợp sau đây: *“văn bản quy định thời điểm có hiệu lực trái với quy định tại khoản 1 Điều 151 của Luật; văn bản vi phạm quy định của pháp luật về đánh giá tác động của chính sách, lấy ý kiến, thẩm định, thẩm tra dự thảo; thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành trong trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn theo trình tự, thủ tục rút gọn nhưng không thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 147 của Luật”*.

- Sửa đổi, bổ sung các Điều 111 - Trách nhiệm tự kiểm tra văn bản; Điều 113 - Thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Điều 122 - Thủ tục do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ tiến hành kiểm tra, xử lý văn bản trái pháp luật để bổ sung *Tổng kiểm toán nhà nước* là chủ thể trong thông tư liên tịch với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ - là loại văn bản thuộc đối tượng kiểm tra để phù hợp với quy định của Luật năm 2020.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 112 - Xử lý văn bản trái pháp luật theo hướng: *“Khi phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, cơ quan, đơn vị thực hiện việc tự kiểm tra theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 111 của Nghị định này có trách nhiệm lập hồ sơ kiểm tra văn bản và báo cáo ngay kết quả kiểm tra văn bản với cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản đó để xem xét, xử lý văn bản trái pháp luật theo quy định tại Điều 130 của Nghị định này”*. Việc viện dẫn đến quy định tại Điều 130 giúp thống nhất về cách hiểu và áp dụng các hình thức xử lý văn bản trái pháp luật theo thẩm quyền và hình thức xử lý văn bản trái pháp luật thông qua hoạt động tự kiểm tra.

- Sửa đổi khoản 5 Điều 115 - Trình tự kiểm tra văn bản theo thẩm quyền để bổ sung quy định “*Cơ quan kiểm tra văn bản có thể kiến nghị về tính minh bạch, khả thi, hiệu quả của văn bản*”. Như vậy, trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra văn bản có quyền kiến nghị về tính minh bạch, khả thi và hiệu quả của văn bản. Quy định này góp phần định hướng tư duy pháp lý trong xã hội, đồng thời giúp việc kiểm tra văn bản được toàn diện hơn.

8. Rà soát, hệ thống hóa VBQPPL (Chương IX, Nghị định 34/2016/NĐ-CP)

Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định về rà soát, hệ thống hóa VBQPPL nhằm xác định rõ hơn trách nhiệm rà soát, công bố danh mục VBQPPL còn hiệu lực, hết hiệu lực, ngưng hiệu lực; quy định hợp lý hơn về căn cứ rà soát, nguồn văn bản hệ thống hóa, cụ thể như sau:

- Bổ sung trách nhiệm Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước trong việc rà soát, xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản, phối hợp trong hệ thống hóa văn bản, công bố Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực và cung cấp thông tin, kết quả về tình hình rà soát, hệ thống hóa văn bản đối với văn bản do các cơ quan này chủ trì soạn thảo (*Điều 139 - Trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa văn bản; Điều 157 - Công bố Danh mục văn bản còn hiệu lực, hết hiệu lực, ngưng hiệu lực, Điều 169 - Quan hệ phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc hệ thống hóa văn bản; Điều 170 - Chế độ báo cáo hằng năm; Điều 186 - Trách nhiệm của các cơ quan, cá nhân trong công tác rà soát, hệ thống hóa VBQPPL*).

- Bổ quy định “*Trường hợp có văn bản hợp nhất thì sử dụng văn bản hợp nhất để rà soát, hệ thống hóa*” tại khoản 2 Điều 141 - Nguồn văn bản rà soát, hệ thống hóa để bảo đảm tính chính xác cũng như giá trị pháp lý của văn bản là nguồn để rà soát, hệ thống hóa.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 142 - Căn cứ rà soát văn bản để bổ sung quy định “*văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực cùng cấp với cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản được rà soát*” là căn cứ rà soát cho phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015.

- Bổ quy định “*VBQPPL còn hiệu lực phải được định kỳ hệ thống hóa*” tại Điều 164 - Định kỳ hệ thống hóa văn bản, theo đó tất cả các VBQPPL đều phải được hệ thống hóa, kể cả VBQPPL đã hết hiệu lực./.